

Số: 460/QĐ-CPNT2

Tp Đồng Nai, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá

**Gói thầu: Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện
lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026**

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/06/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/6/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-CPNT2 ngày 19/03/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 239/QĐ-CPNT2 ngày 26/05/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể về thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 08/06/2026 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt chi tiết kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Đề xuất số 267/ĐX-CPNT2 ngày 11/05/2026 của các Phòng chức năng về việc phê duyệt Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-CPNT2 ngày 29/07/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026;

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 562/TTr-CPNT2 ngày 06/08/2026 về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026, với nội dung chi tiết như Bản yêu cầu báo giá đính kèm theo Quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó giám đốc phụ trách, các Phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.
- Điều 3.** Phó Giám đốc phụ trách, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, ATSKMT.

Đính kèm:

- BYCBG gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

TỜ TRÌNH

**Về việc: Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá
Gói thầu: Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần
Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026**

Kính gửi: Ông Ngô Đức Nhân – Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

A. Cơ sở pháp lý

- Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/6/2024 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 14/QĐ-CPNT2 ngày 19/03/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 239/QĐ-CPNT2 ngày 26/05/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định cụ thể về thực hiện lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 08/06/2026 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt chi tiết kế hoạch hoạt động SXKD năm 2026 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Đề xuất số 267/ĐX-CPNT2 ngày 11/05/2026 của các Phòng chức năng về việc phê duyệt Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026;
- Quyết định số 397/QĐ-CPNT2 ngày 29/7/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026;

B. Nội dung xin phê duyệt

Các phòng chức năng kính trình Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt nội dung Bản yêu cầu báo giá gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026 với nội dung cơ bản như sau:

- Chương I. Yêu cầu nộp báo giá
- Chương II. Yêu cầu kỹ thuật
- Chương III. Biểu mẫu
- Chương IV. Dự thảo hợp đồng

(Đính kèm nội dung chi tiết Bản yêu cầu báo giá)

Các phòng chức năng kính đề nghị Giám đốc Công ty xem xét phê duyệt để có cơ sở triển khai công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Trân trọng ./.

PHÒNG ATSKMT

PHÒNG TM-TTĐ

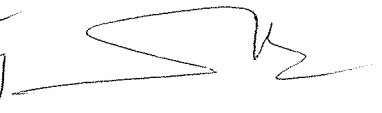
PHÒNG TCKT

PHÓ GIÁM ĐỐC


Đặng Đại Bình


Nguyễn Văn Tường


Nguyễn Chí Dũng



Nguyễn Thị Hà

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.TCKT, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT, P.ATSKMT.

Đính kèm:

- BYCBG gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 năm 2026.

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty năm 2026

Phát hành ngày: 07 tháng 08 năm 2026

Ban hành kèm theo Quyết định số: 430 / QĐ - PNT 2

Bên mời thầu



Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp bảng báo giá) gói thầu Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty năm 2026.
3. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp và đáp ứng thời gian theo yêu cầu tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu tại YCBG;

Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.

2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực kinh nghiệm.

Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực kinh nghiệm

Để chứng minh năng lực kinh nghiệm trong việc thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ khám sức khỏe, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

STT	Mô tả	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu cần nộp
			Đạt	Không đạt	
1	Kinh nghiệm	Nhà thầu đã hoàn	Đáp ứng	Không đáp	Nhà thầu cung

	thực hiện hợp đồng tương tự	thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự về dịch vụ khám sức khỏe định kỳ có quy mô tối thiểu 50% giá gói thầu, tương đương 384.000.000 VND		ứng	cấp hợp đồng, biên bản nghiệm thu/Quyết toán, thanh lý/ tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng
--	--	--	--	-----	--

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi công việc			
1	Phạm vi công việc đáp ứng đầy đủ quy định tại Mục 2, Chương II – Yêu cầu kỹ thuật		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
2	Thời gian thực hiện đáp ứng quy định tại chương II – Yêu cầu kỹ thuật		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
3	Nhà thầu phải có Giấy phép hoặc giấy chứng nhận về hoạt động khám chữa bệnh		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X
4	Nhà thầu phải có nhân sự đáp ứng theo đúng Mục 3, Chương II – Yêu cầu kỹ thuật		
	Đáp ứng	X	
	Không đáp ứng		X

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
5	Nhà thầu phải có bản cam kết máy móc, thiết bị đáp ứng theo đúng Mục 3, Chương II – Yêu cầu kỹ thuật		
	Có cam kết	X	
	Không có cam kết		X

BBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chí thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá ((nếu có) (3));

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: Yêu cầu báo giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện bảng giá chào đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá

trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ",", (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các bảng giá chào khác của các nhà thầu vượt qua đánh giá về kỹ thuật; trường hợp trong bảng giá chào của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong bảng giá chào của nhà thầu này; trường hợp bảng giá chào của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Bản sao giấy phép đăng ký kinh doanh;
4. Các nội dung cần thiết khác:
 - a. Nhà thầu nộp bản sao y các tài liệu: BB nghiệm thu/BB quyết toán thanh lý/tài liệu liên quan để chứng minh đã hoàn thành hợp đồng.
 - b. Tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2, ấp 3 xã Đại Phước, Thành phố Đồng Nai; số điện thoại 02512225899; Fax 02512225897 không muộn hơn 14 giờ 00 phút ngày 17.12.2026. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo

đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website <http://pvpnt2.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và được gửi đến các nhà thầu tham dự.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 0261002225899, ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Thủ Thiêm).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 % (ba phần trăm) giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc được giao, được Bên A ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng.

Mục 13. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

Chương II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

2. Phạm vi công việc thực hiện

Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

Stt	Danh mục khám	Số lượng		
		Nam	Nữ có gia đình	Nữ độc thân
1	Khám nội tổng quát, đo chiều cao cân nặng, tai- mũi- họng, răng hàm mặt, mắt, huyết áp, tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, cơ xương khớp.	135	32	3
2	Khám phụ khoa	0	32	3
3	Siêu âm tuyến giáp	135	32	3
4	Siêu âm ngực dopler màu phát hiện các bệnh lý về vú như ung thư, u hạch, xơ nang tuyến vú,...	0	32	3
5	Siêu âm bụng: Dopler màu, gan, mật, thận tụy, lách, bàng quang, tiền liệt tuyến (nam), tử cung hay phần phụ nữ khảo sát cấu trúc và tầm soát sớm bệnh lý.	135	32	3
6	Siêu âm tim: Thăm dò chuẩn đoán và phát hiện các bất thường về cấu trúc, chức năng hay bệnh lý ở tim	135	32	3
7	ECG/Điện tâm đồ: phát hiện các bệnh thiếu máu cơ tim, rối loạn dẫn truyền, dây thất, nhồi máu cơ tim, ngoại tâm thu...	135	32	3
8	Chụp CT phổi liều thấp	135	32	3
9	Tổng phân tích nước tiểu: tầm soát bệnh lý về đường tiết niệu	135	32	3
10	Công thức máu 22 thông số (hồng cầu, bạch cầu, huyết sắc tố): phát hiện bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu: thiếu máu, suy tủy, ung thư máu,..sốt nhiễm trùng, xuất huyết...	135	32	3
11	Fast blood sugar/chuẩn đoán bệnh đái tháo đường, hạ đường huyết.	135	32	3
12	Bộ mỡ máu (Cholesterol, Triglycerides, Lipid, HDL, LDL, nguy cơ tim mạch)	135	32	3
13	Bộ mỡ máu Non HDL	135	32	3
14	Bộ mỡ máu LDL/HDL	135	32	3
15	AST, ALT/chức năng gan: viêm gan cấp, mãn, tổn thương như mô gan...	135	32	3
16	Creatinine + Ure (đánh giá chức năng gan thận)	135	32	3

17	Kiểm tra và đánh giá kháng nguyên và kháng thể viêm gan siêu B	135	32	3
18	Tầm soát Gout/Tầm soát bệnh viêm khớp	135	32	3
19	Tầm soát viêm gan C	135	32	3
20	GGT: Đánh giá viêm gan do rượu bia, tổn thương nhu mô gan	135	32	3
21	Siêu âm động mạch cảnh: tầm soát xơ vữa động mạch, phát hiện ngăn ngừa sớm tai biến	135	32	3
22	Tầm soát ung thư gan (AFP)	135	32	3
23	Nội soi tầm soát ung thư vòm họng	135	32	3
24	HbA1C (chuẩn đoán bệnh đái tháo đường)	135	32	3
25	FT4+TSH (xét nghiệm chức năng tuyến giáp)	135	32	3
26	HPCIM (xét nghiệm HP dạ dày)	135	32	3
27	PSA: Tầm soát ung tuyến tiền liệt (cho nam từ 50 tuổi trở lên)	32	0	0
28	ACR (Albumin/Creatinin) NT phát hiện sớm tổn thương thận	135	0	0
29	Pap mear/ xét nghiệm tế bào cổ tử cung cho phụ nữ có gia đình	0	32	0
30	Soi tươi huyết trắng: Tầm soát nhiễm trùng sinh dục nữ cho phụ nữ độc thân	0	0	3
31	HPV copas tầm soát virus ung thư cổ tử cung	0	32	0
32	CA 12.5 (ung thư buồng trứng => nữ)	0	32	3

Danh mục khám thêm cho nhân viên bếp ăn tập thể:

Danh mục		Số lượng	
		Nam	Nữ gia đình
1	Viêm gan siêu vi A (An ti HAV IgM)	2	3
2	Viêm gan siêu vi E (An ti HEV IgM)	2	3
3	Soi phân - tìm kí sinh trùng	2	3

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Về năng lực kỹ thuật

- a. Phạm vi công việc đáp ứng đầy đủ các hạng mục quy định tại Mục 2, Chương II – Yêu cầu kỹ thuật
- b. Cung cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận về hoạt động khám chữa bệnh
- c. Yêu cầu về Nhân sự:

Stt	Nhân sự	Số lượng	Bằng cấp	Ghi chú
1	Nội Tổng quát-Tiêu hóa gan mật	01	Bác sĩ Chuyên khoa II	
2	Nội tổng quát -Tim mạch	01	Bác sĩ Chuyên khoa I	
3	Sản phụ khoa	01	Bác sĩ Chuyên khoa I	
4	Nội tổng quát Thần Kinh	01	Bác sĩ Chuyên khoa I	
5	Nội tổng quát - Cơ Xương khớp	01	Bác sĩ Y khoa	
6	Nội soi	01	Bác sĩ Chuyên khoa I	
7	Tai mũi họng	01	Bác sĩ Chuyên khoa I	

- d. Yêu cầu máy móc thiết bị

Nhà thầu liệt kê máy móc thiết bị phục vụ cho phạm vi công việc theo biểu mẫu dưới đây

Stt	Tên thiết bị	Công nghệ	Xuất xứ	Số lượng
1				
2				
..				

3.2. Về thời gian thực hiện gói thầu

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Nhà thầu cam kết đã thực hiện nghĩa vụ thuế năm 2025

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA DỊCH VỤ

Stt	Danh mục khám	Số lượng Người	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Ghi Chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1	Khám nội tổng quát, đo chiều cao cân nặng, tai-mũi-họng, răng hàm mặt, mắt, huyết áp, tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, cơ xương khớp.	170			
2	Khám phụ khoa	35			
3	Siêu âm tuyến giáp	170			
4	Siêu âm ngực dopler màu phát hiện các bệnh lý về vú như ung thư, u hạch, xơ nang tuyến vú,...	35			
5	Siêu âm bụng: Dopler màu, gan, mật, thận tụy, lách, bàng quang, tiền liệt tuyến (nam), tử cung hay phần phụ nữ khảo sát cấu trúc và tầm soát sớm bệnh lý.	170			
6	Siêu âm tim: Thăm dò chuẩn đoán và phát hiện các bất thường về cấu trúc, chức năng hay bệnh lý ở tim	170			
7	ECG/Điện tâm đồ: phát hiện các bệnh thiếu máu cơ tim, rối loạn dẫn truyền, dây thất, nhồi máu cơ tim, ngoại tâm thu...	170			
8	Chụp CT phổi liều thấp	170			
9	Tổng phân tích nước tiểu: tầm soát bệnh lý về đường tiết niệu	170			
10	Công thức máu 22 thông số (hồng cầu, bạch cầu, huyết sắc tố): phát hiện bệnh lý về máu và cơ quan tạo máu: thiếu máu, suy tủy, ung thư máu,...sốt nhiễm trùng, xuất huyết...	170			
11	Fast blood sugar/chuẩn đoán bệnh đái tháo đường, hạ đường huyết.	170			
12	Bộ mỡ máu (Cholesterol, Triglycerides, Lipid, HDL, LDL, nguy cơ tim mạch)	170			
13	Bộ mỡ máu Non HDL	170			
14	Bộ mỡ máu LDL/HDL	170			
15	AST, ALT/chức năng gan: viêm gan cấp, mãn, tổn thương như mô gan...	170			
16	Creatinine (Chức năng thận) + Ure + độ lọc cầu thận eGRF	170			
17	Kiểm tra và đánh giá kháng nguyên và kháng thể viêm gan siêu B	170			
18	Tầm soát Gout/Tầm soát bệnh viêm khớp	170			
19	Tầm soát viêm gan C	170			
20	GGT: Đánh giá viêm gan do rượu bia, tổn thương nhu mô gan	170			
21	Siêu âm động mạch cảnh: tầm soát sơ vữa động mạch, phát hiện ngăn ngừa sớm tai biến	170			
22	Tầm soát ung thư gan A.F.P	170			

23	Nội soi tầm soát ung thư vòm họng	170			
24	HbA1C	170			
25	FT4+TSH	170			
26	HP CIM	170			
27	PSA: Tầm soát ung tuyến tiền liệt (cho nam từ 50 tuổi trở lên)	32			
28	ACR (Albumin/Creatinin) NT phát hiện sớm tổn thương thận	135			
29	Pap mear/ xét nghiệm tế bào cổ tử cung cho phụ nữ có gia đình	32			
30	Soi tươi huyết trắng: Tầm soát nhiễm trùng sinh dục nữ cho phụ nữ độc thân	3			
31	HPV copas- tầm soát virus ung thư Tử cung	32			
32	CA 12.5 (ung thư buồng trứng => nữ)	35			
Danh mục khám thêm cho nhân viên bếp ăn tập thể:		0			
1	Viêm gan siêu vi A (An ti HAV IgM)	5			
2	Viêm gan siêu vi E (An ti HEV IgM)	5			
3	Soi phân - tìm kí sinh trùng	5			
	Tổng cộng giá chào của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)				M
<i>Bằng chữ:</i>					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (4), (5), do nhà thầu chào.
- Thành tiền M đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc khám sức định kỳ cho CBCNV Công ty năm 2026 của Bên A với nội dung chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu;
5. Bản yêu cầu báo giá và làm rõ bản yêu cầu báo giá.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá Hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các yêu cầu về dịch vụ như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong Hợp đồng.

Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá Hợp đồng tạm tính bao gồm thuế VAT: _____ VND
(Bằng chữ: _____)

Chi tiết đơn giá như Phụ lục 2 đính kèm (Đơn giá trong Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT, phí, lệ phí và các khoản phí khác để Bên B thực hiện Điều 1 Hợp đồng này)

2. Phương thức thanh toán:

- a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- b) Thời hạn và tiến độ thanh toán:

Sau khi hoàn tất công việc theo phạm vi công việc được quy định tại Hợp đồng, Bên A tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc làm cơ sở tính giá trị thực hiện của Hợp đồng. Biên bản nghiệm thu khối lượng phải được Bên A và Bên B ký đóng dấu. Trên cơ sở Biên bản nghiệm thu khối lượng, Bên A và Bên B áp đơn giá cố định của Hợp đồng để tính toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị thực hiện của Hợp đồng theo biên bản quyết toán và thanh lý Hợp đồng bằng chuyển khoản trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ chứng từ hợp lệ như sau:

- Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
- Bản gốc Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn điện tử theo quy định của Bộ Tài Chính;
- Bản gốc Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc;
- Bản gốc Hồ sơ chi tiết kết quả khám sức khỏe cá nhân của CBCNV PVPower NT2;
- Bản gốc Hồ sơ tổng hợp kết quả khám từng cá nhân của CBCNV PVPower NT2;
- Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe của CBCNV PVPower NT2;
- Bản gốc Biên bản Quyết toán và thanh lý hợp đồng.
- Bảo lãnh bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định.

Điều 6. Loại Hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi yêu cầu công việc theo Hợp đồng;
- b) Bổ sung hạng mục công việc ngoài phạm vi công việc quy định trong Hợp đồng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện Hợp đồng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi Hợp đồng công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo các yêu cầu sau:

Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và được gửi đến các nhà thầu tham dự.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu có thể chọn một trong các hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng như đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 0261002225899, ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Thủ Thiêm) hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng hợp pháp đang hoạt động tại Việt Nam.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 % (ba phần trăm) giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành

nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: sau 30 ngày kể ngày hai Bên hoàn thành thủ tục thanh lý Hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt Hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:
 - a. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
 - b. Bên B bị phá sản, giải thể;
 - c. Các hành vi khác (nếu có).
2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần Hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Trường hợp bất khả kháng

Trường hợp bất khả kháng được hiểu là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của Bên B, chẳng hạn: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, giãn cách xã hội để thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19,... Bên B phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên A về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện để hai Bên cùng bàn bạc thống nhất.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện dịch vụ do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

Một Bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 13. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và đến hết thời gian thực hiện Hợp đồng. Sau khi kết thúc thời hạn Hợp đồng hai Bên sẽ cùng thảo luận để gia hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 01 bộ, các bộ Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

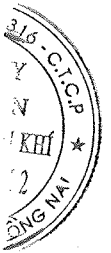
ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].



MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu*]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (*hoặc hợp đồng*), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*Ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số _____ [*Ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.